**NGÂN HÀNG CÂU HỎI MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 6**

**PHÂN MÔN ĐỊA LÍ:**

**Câu 1:** Các đường nối liền hai điểm cực Bắc và cực Nam trên bề mặt quả Địa Cầu là những đường

A. kinh tuyến.

B. kinh tuyến gốc.

C. vĩ tuyến.

D. vĩ tuyến gốc.

**Câu 2:** Những vòng tròn trên quả Địa Cầu vuông góc với các kinh tuyến là những đường

A. kinh tuyến.

B. kinh tuyến gốc.

C. vĩ tuyến.

D. vĩ tuyến gốc.

**Câu 3:** Vĩ tuyến gốc chính là

A. chí tuyến Bắc.

B. Xích đạo.

C. chí tuyến Nam.

D. hai vòng cực.

**Câu 4:** Nếu cách 10 ở tâm thì trên bề mặt của quả Địa Cầu từ cực Nam đến cực Bắc có bao nhiêu vĩ tuyến?

A. 181.

B. 182.

C. 180.

D. 179.

**Câu 5:** Trên Địa Cầu, nước ta nằm ở

A. nửa cầu Bắc và nửa cầu Tây.

B. nửa cầu Nam và nửa cầu Đông.

C. nửa cầu Nam và nửa cầu Tây.

D. nửa cầu Bắc và nửa cầu Đông.

**Câu 6:** Chúng ta có thể xác định được vị trí của mọi điểm trên bản đồ là nhờ

A. vai trò của hệ thống kinh, vĩ tuyến trên quả Địa Cầu.

B. đặc điểm phương hướng các đối tượng địa lí trên bản đồ.

C. số lượng các đối tượng địa lí được sắp xếp trên bản đồ.

D. mối liên hệ giữa các đối tượng địa lí trên bản đồ.

**Câu 7:**Bản đồ có tỉ lệ nhỏ hơn 1 : 1 000.000 là những bản đồ có tỉ lệ

A. nhỏ.

B. trung bình.

C. lớn.

D. rất lớn.

**Câu 8:**Tỉ lệ bản đồ 1 : 5.000.000 có nghĩa là

A. 1 cm Irên bản đồ bằng 5.000 m trên thực địa.

B. 1 cm trên bản đồ hằng 500 m trên thực địa.

C. 1 cm trên bản đồ bằng 50 km trên thực địa.

D. 1 cm trên bản đồ bằng 5 km trên thực địa.

**Câu 9:**Tỉ lệ bản đồ càng lớn thì mức độ chi tiết của bản đồ càng

A. nhỏ.

B. cao.

C. lớn.

D. thấp.

**Câu 10:**Tỉ lệ bản đồ gồm có

A. tỉ lệ thước và bảng chú giải.

B. tỉ lệ số và tỉ lệ thước.

C. tỉ lệ thước và kí hiệu bản đồ.

D. bảng chú giải và kí hiệu.

**Câu 11:** Để thể hiện ranh giới quốc gia, người ta dùng kí hiệu nào sau đây?

A. Điểm.

B. Đường.

C. Diện tích.

D. Hình học.

**Câu 12:** Khi biểu hiện các vùng trồng trọt và chăn nuôi thường dùng loại ký hiệu nào sau đây?

A. Hình học.

B. Tượng hình.

C. Điểm.

D. Diện tích.

**Câu 13:** Trong hệ Mặt Trời, Trái Đất ở vị trí nào theo thứ tự xa dần Mặt Trời?

A. Vị trí thứ 3.

B. Vị trí thứ 5.

C. Vị trí thứ 9.

D. Vị trí thứ 7.

**Câu 14:** Trái Đất có dạng hình cầu nên xuất hiện hiện tượng nào dưới đây?

A. Luôn có một nửa được Mặt Trời chiếu sáng và một nửa không được chiếu sáng.

B. Bất kì thời điểm nào trong ngày cũng nhận được Mặt Trời chiếu sáng suốt 24h.

C. Trên Trái Đất khu vực nào cũng có 4 mùa điển hình với ngày đêm dài bằng nhau.

D. Trái Đất thực hiện nhiều chuyển động trong một năm nên gây ra nhiều thiên tai.

**Câu 15:** Trong khi Trái Đất tự quay quanh trục những địa điểm nào sau đây **không** thay đổi vị trí?

A. Hai cực.

B. Hai chí tuyến.

C. Xích đạo.

D. Vòng cực.

**Câu 16:** Sự luân phiên ngày, đêm là hệ quả của chuyển động

A. xung quanh Mặt Trời của Trái Đất.

B. tự quay quanh trục của Trái Đất.

C. xung quanh các hành tinh của Trái Đất.

D. tịnh tiến của Trái Đất quanh Mặt Trời.

**Câu 17:** Sự chuyển động của Trái Đất quay quanh trục **không** tạo ra hiện tượng nào sau đây?

A. Giờ giấc mỗi nơi mỗi khác.

B. Hiện tượng mùa trong năm.

C. Ngày đêm nối tiếp nhau.

D. Sự lệch hướng chuyển động.

**Câu 18:** Khi Luân Đôn là 10 giờ, thì ở Hà Nội là

A. 15 giờ.

B. 17 giờ.

C. 19 giờ.

D. 21 giờ.

**Câu 19:** Vào ngày nào trong năm ở hai nửa bán cầu đều nhận được một lượng ánh sáng và nhiệt như nhau?

A. Ngày 22/6 và ngày 22/12.

B. Ngày 22/3 và ngày 21/9.

C. Ngày 21/6 và ngày 23/12.

D. Ngày 21/3 và ngày 23/9.

**Câu 20:** Theo dương lịch thì mùa xuân ở Việt Nam và một số nước khác ở bán cầu Bắc từ ngày nào sau đây?

A. 22/6 đến 21/3.

B. 22/6 đến 23/9.

C. 22/12 đến 21/3.

D. 21/3 đến 22/6.

**Câu 21:** Ở Xích đạo có một hiện tượng rất đặc biệt, đó là

A. 12 tiếng ngày, 12 tiếng đêm ở mọi ngày.

B. ngày ngắn, đêm dài vào ngày 22 tháng 12.

C. ngày dài, đêm ngắn vào ngày 22 tháng 6.

D. ngày, đêm dài ngắn khác nhau theo mùa.

**Câu 22:** Trái Đất được cấu tạo bởi mấy lớp?

A. 1.

B. 3.

C. 2.

D. 4.

**Câu 23:** Các loại đá được hình thành do sự lắng đọng vật chất được gọi là đá

A. cẩm thạch.

B. ba dan.

C. mác-ma.

D. trầm tích.

**Câu 24:** Lõi (nhân) Trái Đất có nhiệt độ cao nhất là

A. 10000C.

B. 50000C.

C. 70000C.

D. 30000C.

**Câu 25:** Khi hai mảng tách xa nhau sẽ xảy ra hiện tượng nào sau đây?

A. Các dãy núi cao, núi lửa và bão hình thành.

B. Động đất, núi lửa và lũ lụt xảy ra nhiều nơi.

C. Bão lũ, mắc ma phun trào diễn ra diện rộng.

D. Mắc ma trào lên và tạo ra các dãy núi ngầm.

**Câu 26:** Nhận định nào dưới đây **không** đúng khi nói về quá trình di chuyển các mảng kiến tạo?

A. Tách rời nhau.

B. Xô vào nhau.

C. Hút chờm lên nhau.

D. Gắn kết với nhau.

**Câu 27:** Lục địa nào sau đây trên Trái Đất có diện tích lớn nhất?

A. Lục địa Nam Mĩ.

B. Lục địa Phi.

C. Lục địa Bắc Mĩ.

D. Lục địa Á - Âu.

**Câu 28:** Sự di chuyển của các địa mảng là nguyên nhân gây ra loại thiên tai nào sau đây?

A. Bão, dông lốc.

B. Lũ lụt, hạn hán.

C. Núi lửa, động đất.

D. Lũ quét, sạt lở đất.

**Câu 29:** Việt Nam nằm trên lục địa

A. Bắc Mĩ.

B. Á - Âu.

C. Nam Mĩ.

D. Nam Cực.

**Câu 30:** Ở nước ta, tỉnh xảy ra hiện tượng động đất mạnh nhất là

A. Yên Bái.

B. Sơn La.

C. Điện Biên.

D. Hà Giang.

**Câu 31:** Ở nước ta, vùng từng có hoạt động của núi lửa

A. Đông Nam Bộ.

B. Tây Nguyên.

C. Bắc Trung Bộ.

D. Tây Bắc.

**Câu 32:** Dạng địa hình thuận lợi cho trồng cây lương thực và thực phẩm là

A. cao nguyên.

B. đồng bằng.

C. đồi.

D. núi.

**Câu 33:** Đa số khoáng sản tồn tại trạng thái

A. rắn.

B. lỏng.

C. khí.

D. dẻo.

**Câu 34:** Núi có đỉnh nhọn, sườn dốc, thung lũng hẹp là

A. núi cao.

B. núi thấp.

C. núi già.

D. núi trẻ.

**Câu 35:** Cao nguyên rất thuận lợi cho việc trồng cây

A. lương thực và chăn nuôi gia súc nhỏ.

B. công nghiệp và chăn nuôi gia cầm.

C. công nghiệp và chăn nuôi gia súc lớn.

D. thực phẩm và chăn nuôi gia súc lớn.

**Câu 36:** Điểm giống nhau giữa đồng bằng và cao nguyên là

A. bề mặt địa hình tương đối bằng phẳng hoặc gợn sóng.

B. thích hợp trồng cây công nghiệp và cây lương thực.

C. có hình thái đỉnh tròn, sườn thoải và thung lũng rộng.

D. độ cao tuyệt đối khoảng 200m so với mực nước biển.

**Câu 37:** Ở nước ta, các cao nguyên ba-dan tập trung chủ yếu ở vùng

A. Tây Bắc.

B. Bắc Trung Bộ.

C. Đông Bắc.

D. Tây Nguyên.

**Câu 38:** Các loại khoáng sản thuộc nhóm khoáng sản kim loại màu là

A. crôm, titan, mangan.

B. apatit, đồng, vàng.

C. than đá, dầu mỏ, khí.

D. đồng, chì, kẽm.

**Câu 39:** Các khoáng sản như dầu mỏ, khí đốt, than đá thuộc nhóm khoáng sản

A. phi kim loại.

B. nhiên liệu.

C. kim loại màu.

D. kim loại đen.

**Câu 40:** Khoáng sản là

A. các loại đá chứa nhiều khoáng vật.

B. nham thạch ở trong lớp vỏ Trái Đất.

C. khoáng vật và các loại đá có ích.

D. những tích tụ tự nhiên của khoáng vật.

**ĐÁP ÁN NGÂN HÀNG CÂU HỎI LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 6**

1. **PHÂN MÔN ĐỊA LÍ**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **Đáp án** | **Câu** | **Đáp án** | **Câu** | **Đáp án** | **Câu** | **Đáp án** |
| **1** | A | **11** | B | **21** | A | **31** | B |
| **2** | C | **12** | D | **22** | B | **32** | B |
| **3** | B | **13** | A | **23** | D | **33** | A |
| **4** | A | **14** | A | **24** | B | **34** | D |
| **5** | D | **15** | A | **25** | D | **35** | C |
| **6** | A | **16** | B | **26** | D | **36** | A |
| **7** | A | **17** | B | **27** | D | **37** | D |
| **8** | C | **18** | B | **28** | C | **38** | D |
| **9** | B | **19** | D | **29** | B | **39** | B |
| **10** | B | **20** | D | **30** | C | **40** | C |